TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CK** **TỈNH TV**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 18-10-2019
V/v "Ly hôn và Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CK, TỈNH TV

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diêu Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Văn Xem

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh TV tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CK xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn và Tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà N G, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú: ấp N , xã TN, huyện CK, tỉnh TV.

- *Bị đơn:* Ông NVT, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cư trú: ấp N , xã TN, huyện CK, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N G trình bày: Bà và ông NVT chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện CK. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông NVT không lo cho vợ con, đánh đập vợ con và có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, bà và ông NVT không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Lụa, sinh 1999 và Nguyễn Văn Ngọc sinh 2012, hiện nay bà N G đang nuôi. Nay bà N G yêu cầu ly hôn với ông NVT. Về con chung: sau khi ly hôn bà N G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Ngọc, không yêu cầu ông NVT cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Hồng Lụa đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: bà N G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà N G khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông NVT vắng mặt không có lý do, theo biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn Mãi và bà Nguyễn Thị Kìa là cha mẹ ruột của ông NVT cho biết hiện nay ông Tiếp đang đi làm ở xa, khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án ly hôn, ông bà nhận thay và có báo lại cho ông Tiếp biết, ông Tiếp bận công việc nên không về tham dự được. Ông Nguyễn Văn Mãi và bà Nguyễn Thị Kìa có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho ông Tiếp biết. Mặt dù ông Tiếp đã được Tòa án nhân dân huyện CK triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai mà ông vẫn vắng mặt cho thấy ông Tiếp không có ý thức tuân thủ pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện CK căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Tiếp.

Theo lời khai cháu Nguyễn Văn Ngọc trình bày: Cháu là con của NVT và N G, hiện nay cháu đang sống với mẹ N G, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do bận việc học nên không đến Tòa án nên cháu có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nên không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N G, cho bà N G ly hôn với ông NVT; về con chung chấp nhận yêu cầu của N G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Ngọc, ông NVT không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung bà N G và ông NVT không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về nợ chung bà N G và ông NVT khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà N G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh TV giải quyết việc hôn nhân, nuôi con chung của bà và ông NVT địa chỉ: ấp N , xã TN, huyện CK nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh TV theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự. Ông NVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CK xét xử vắng mặt ông NVT.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà N G và ông NVT xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng theo bà Gấm là do bất đồng quan điểm sống, ông Tiếp có người phụ nữ khác bên ngoài và hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N G và ông NVT là có thật, hai người không tự giải quyết được và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa, chứng minh cuộc sống vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên bà N G yêu cầu ly hôn với ông NVT là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: bà N G khai có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng Lụa, sinh 1999 và Nguyễn Văn Ngọc sinh 2012, tại Tòa bà N G yêu cầu nuôi cháu Ngọc, không yêu cầu ông NVT cấp dưỡng nuôi con; Riêng cháu Hồng Lụa đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Ông NVT vắng mặt và không có phản hồi gì. Vấn đề này thấy rằng: Xét yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Văn Ngọc của bà N G là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay cháu Ngọc đang do bà N G nuôi, theo nguyện vọng của cháu Ngọc, sau khi cha mẹ ly hôn cháu muốn sống với mẹ là bà N G. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N G giao cháu Nguyễn Văn Ngọc cho bà N G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và có sơ sở.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà N G không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà N G khai không có nên không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N G;

Cho bà N G được ly hôn với ông NVT;

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Ngọc, sinh 26/8/2012 hiện nay do bà N G đang nuôi cho bà N G được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà N G không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà N G khai không có và không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà N G phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004014 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CK. Bà N G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông NVT vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện CK;
- CCTHADS huyện CK;
- UBND xã TN, h CK
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diêu Hoàng Tiếp